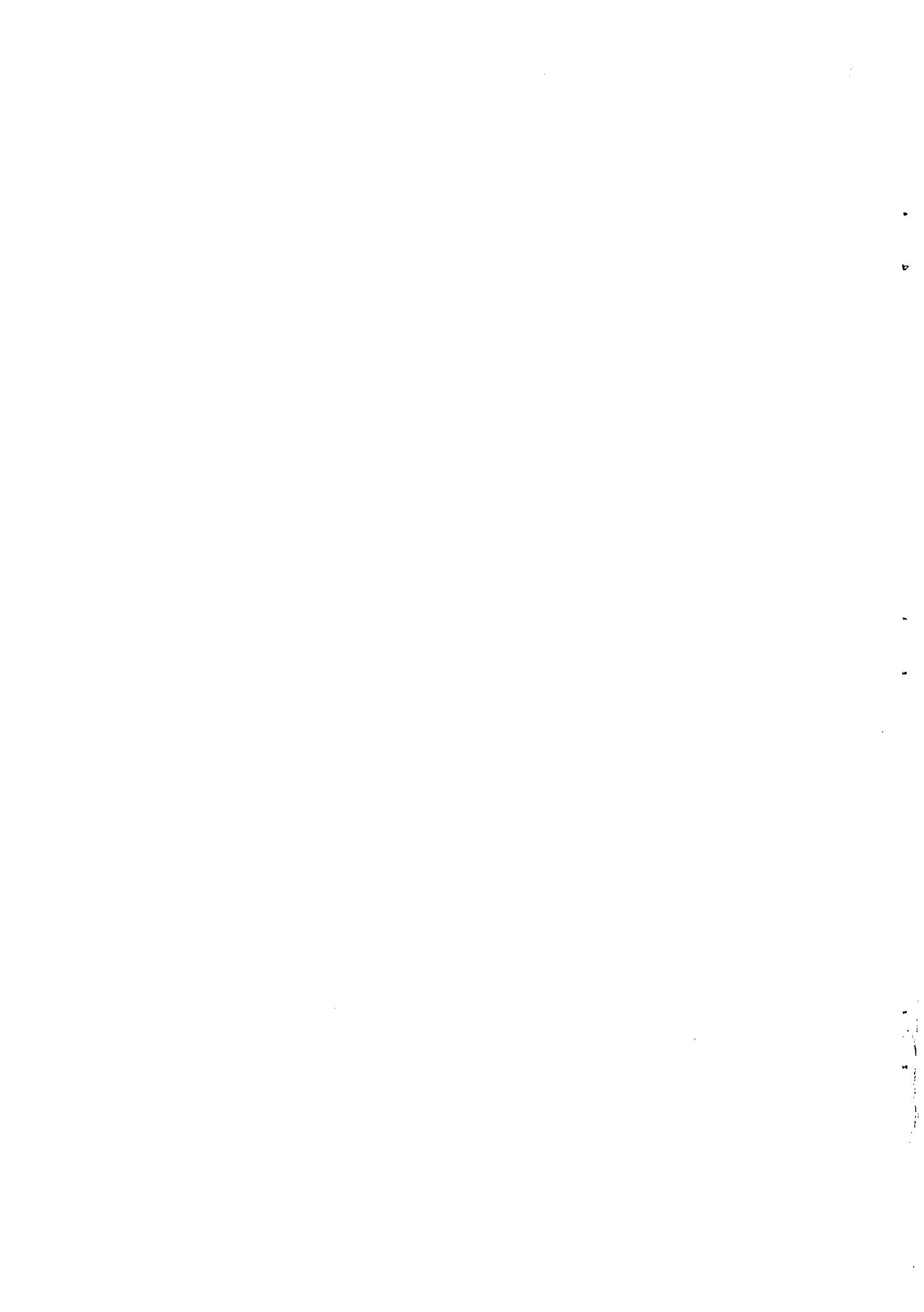


MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ	Error! Bookmark not defined.
Điều 2. Tên, trụ sở chính, các đơn vị phụ thuộc Công ty	5
Điều 3. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Thời hạn hoạt động và địa chỉ pháp lý của Công ty	6
CHƯƠNG II: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ VỐN, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	7
Điều 5. Vốn điều lệ	6
Điều 6. Cổ phần	7
Điều 7. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 8. Thu hồi cổ phần	7
Điều 9. Chứng chỉ cổ phiếu.....	9
Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 11. Cổ đông	10
Điều 12. Quyền của Cổ đông	11
Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông	12
Điều 14. Cổ đông sáng lập và vốn cổ phần của cổ đông sáng lập	12
CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY	13
Điều 15 Cơ cấu tổ chức quản lý	13
MỤC 1: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 18. Đại diện được ủy quyền	16
Điều 19. Thay đổi các quyền	17
Điều 20. Thủ tục triệu tập, chương trình, nội dung và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Thủ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Thủ tục và thủ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	24
MỤC 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	27
Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
MỤC 3: TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	31
Điều 32. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc	31
Điều 33. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	33
Điều 34. Nghĩa vụ của Người quản lý Công ty	33



MỤC 4: BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 35. Ban kiểm soát	33
Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát	35
CHƯƠNG IV: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN	35
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	35
Điều 38. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh	36
Điều 39. Cổ tức	37
Điều 40. Tài khoản ngân hàng	37
Điều 41. Năm tài chính	38
Điều 42. Hệ thống kế toán	38
Điều 43. Kiểm toán	38
CHƯƠNG V: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ TÀI SẢN	
CÔNG TY	39
Điều 44. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty	39
Điều 45. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	39
Điều 46. Trình tự và thủ tục thanh lý tài sản Công ty	39
CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	40
Điều 47. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ	40
Điều 48. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp	40
Điều 49. Hiệu lực của Điều lệ	41



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN NHÀ PETROLIMEX - TRADOCO**

Công ty Cổ phần phát triển nhà Petrolimex - Tradoco (sau đây gọi là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Điều lệ Công ty là văn bản ghi nhận các thỏa thuận và cam kết của các cổ đông Công ty về thành lập, lãnh đạo, kiểm tra, giám sát, tổ chức quản lý và điều hành hoạt động của Công ty và là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty lần thứ nhất - năm 2010 thông qua ngày 26/7/2010, sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 01/6/2011, sửa đổi bổ sung lần 2 ngày 17/07/2015 dựa trên những căn cứ sau:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị Quyết số 36/2015/QĐ-ĐHĐCD ngày 17/7/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP phát triển nhà PETROLIMEX – TRADOCO;

Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua Điều lệ với các Chương, Điều sau đây:

**CHƯƠNG I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- 1.1 Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
- a. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội Khóa XIII nước CHXHCN Việt Nam, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015.
 - b. “Công ty” là Công ty CP phát triển nhà Petrolimex- Tradoco.
 - c. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
 - d. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty.
 - e. “Đại hội đồng cổ đông” gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
 - f. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

- g. "Người quản lý" có nghĩa là Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán Trưởng Công ty.
- h. "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 4.1 Điều 24 của Điều lệ này.
- i. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
- j. "Việt Nam" có nghĩa là Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
- k. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp quy định tại Khoản 17, Điều 4 Luật doanh nghiệp.
- l. "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- m. "Giá thị trường của cổ phần" là giá giao dịch trên thị trường cao nhất ngày hôm trước, giá thỏa thuận giữa người bán và người mua, hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.
- n. "Vốn có quyền biểu quyết" là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 1.2 Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
- 1.3 Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 1.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, trụ sở chính, các đơn vị phụ thuộc của Công ty

2.1 Tên gọi:

- Tên Doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ PETROLIMEX - TRADOCO

- Tên Doanh nghiệp viết bằng tiếng Anh:

**PETROLIMEX - TRADOCO HOUSING DEVELOPMENT
JOINT STOCK COMPANY**

- Tên viết tắt của Doanh nghiệp: **PT HOUSE**
- Tên, biểu tượng (logo) của Công ty được in trên tiêu đề, văn thư và chứng từ của Công ty.

2.2 Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Chí Thanh, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT
- Điện thoại: (0643) 701 069 Fax: (064) 3859262
- Email: Website:

- 2.3 Công ty có thể thành lập các đơn vị phụ thuộc Công ty là Chi nhánh, Văn phòng đại diện... tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty trong phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 3. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

3.1 Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Công ty có quyền kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

Công ty có quyền tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.

- 3.2 Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn thực hiện các hoạt động kinh doanh, thương mại nhằm mang lại lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho cổ đông, tạo thêm việc làm, và thu nhập cho người lao động, tham gia các công tác xã hội từ thiện, từng bước xây dựng Công ty giàu mạnh và phát triển bền vững và đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội chung của đất nước.

Điều 4. Thời hạn hoạt động và địa vị pháp lý của Công ty

- 4.1 Thời hạn hoạt động của Công ty là vô hạn kể từ ngày thành lập, trừ khi Công ty giải thể theo Điều 44 của Điều lệ này.
- 4.2 Công ty là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp; là đơn vị hạch toán độc lập, có con dấu riêng, có tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam; có tài sản độc lập với tài sản cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; nhân danh Công ty tham gia trong các quan hệ pháp luật một cách độc lập. Có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II:

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ VỐN, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vốn điều lệ

- 5.1 Vốn điều lệ của Công ty là: **197.319.000.000 đồng Việt Nam (Một trăm chín mươi bảy tỷ, ba trăm mười chín triệu đồng chẵn).**
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành: **19.731.900 (Mười chín triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn, chín trăm) cổ phần.**
Mệnh giá mỗi cổ phần là: **10.000 đồng Việt Nam (Mười ngàn đồng chẵn).**
- 5.2 Vốn điều lệ được góp có thể bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết sản xuất, hoặc bằng tài sản khác và được hạch toán theo đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam.

- 5.3 Tài sản góp vốn của các cổ đông vào Công ty không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được định giá theo quy định tại Điều 37 Luật Doanh nghiệp.
- 5.4 Cổ đông góp vốn bằng tài sản phải chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản góp vốn cho Công ty theo quy định tại Điều 36 Luật Doanh nghiệp.
- 5.5 Công ty có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn điều lệ theo tình hình hoạt động kinh doanh, nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và nhu cầu phát triển kinh doanh, khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.6 Vốn điều lệ không được sử dụng để chia cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác nhưng không trái với những quy định của Pháp luật.
- 5.7 Công ty có thể phát hành cổ phiếu hoặc phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 6. Cổ phần

- 6.1 Công ty có thể có cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi được quy định tại Điều 112 và Điều 13 của Điều lệ này.
- 6.2 Tùy theo mức độ phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty và nhu cầu vốn trong kinh doanh, Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6.3 Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (**chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần**) để cổ đông có thể đăng ký mua. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 7. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

- 7.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều 122 Luật Doanh nghiệp.
- 7.2 Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.

- 7.3 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
- 7.4 Trong trường hợp một Cổ đông bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ là người hoặc những người duy nhất được Công ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không có nghĩa giải tỏa tài sản của Cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp Cổ đông bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố chết mà không có người thừa kế, số cổ phần của Cổ đông đó sẽ được giải quyết theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 7.5 Trong trường hợp Cổ đông là tổ chức, pháp nhân giải thể hoặc phá sản hoặc sáp nhập hoặc chia, tách, việc sở hữu các cổ phần sẽ được giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Điều 8. Thu hồi cổ phần

- 8.1 Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo vào bất cứ lúc nào và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh trực tiếp do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty theo quy định.
- 8.2 Thông báo nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và phải ghi rõ ràng trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
- 8.3 Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 8.4, Khoản 8.5 và Khoản 8.6 của Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
- 8.4 Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- 8.5 Cổ đông sở hữu cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi đến hạn phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

8.6 Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người sở hữu cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 9. Chứng chỉ cổ phiếu

- 9.1 Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.
- 9.2 Cổ phiếu phổ thông của Công ty phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp. Riêng đối với cổ phiếu của các loại cổ phần ưu đãi (nếu có) của Công ty còn có các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông sở hữu, họ và tên người sở hữu (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
- 9.3 Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 9.9 Điều này.
- 9.4 Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí nào khác.
- 9.5 Trường hợp chỉ chuyển nhượng một hoặc một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
- 9.6 Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.
- 9.7 Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hư hỏng, bị tẩy xóa, bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty và thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.
- 9.8 Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu không ghi danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
- 9.9 Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy

định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác

- 10.1 Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 10.2 Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 11. Cổ đông

- 11.1 Cổ đông của Công ty cổ phần phát triển nhà Petrolimex - Tradoco là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà cổ đông sở hữu.
- 11.2 Mỗi cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 11.3 Cổ đông là tổ chức có quyền của một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 Luật Doanh nghiệp.
Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 12. Quyền của Cổ đông

- 12.1 Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Được nhận cổ tức hàng năm tương ứng số lượng cổ phần sở hữu với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Được tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

- e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông để tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp. Giá mua lại sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
- 12.2 Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ đông ưu đãi có các quyền tương ứng với loại cổ phần ưu đãi theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 12.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 27.2 Điều 27 và Khoản 36.2 Điều 36 của Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

- 13.1 Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty;
- 13.2 Chấp hành các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 13.3 Thanh toán đủ tiền mua số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại Khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- 13.4 Cung cấp, thông tin cá nhân và địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

- 13.5 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;
- 13.6 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 14. Cổ đông sáng lập và vốn cổ phần của cổ đông sáng lập

- 14.1 Cổ đông sáng lập của Công ty là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.
- 14.2 Họ, tên, địa chỉ, số cổ phần và các đặc điểm cơ bản khác của các Cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.
- 14.3 Vốn cổ phần của Cổ đông sáng lập phải được thanh toán trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông sáng lập chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 14.4 Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế, Công ty phải thông báo việc góp vốn cổ phần đến Cơ quan đăng ký kinh doanh. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về các thiệt hại đối với công ty và người khác do thông báo chậm trễ hoặc thông báo không trung thực, không chính xác, không đầy đủ.
- 14.5 Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán. Trường hợp có cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua thì số cổ phần chưa góp đủ đó của cổ đông sáng lập được xử lý theo một trong các cách sau đây:
 - a) Các cổ đông sáng lập còn lại góp đủ số cổ phần đó theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty;
 - b) Một hoặc một số cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó;
 - c) Huy động người khác không phải là cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó; người nhận góp vốn đó đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty. Trong trường hợp này, cổ đông sáng lập chưa góp cổ phần theo đăng ký đương nhiên không còn là cổ đông của công ty.Khi số cổ phần đăng ký góp của các cổ đông sáng lập chưa được góp đủ thì các cổ đông sáng lập cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số cổ phần chưa góp đủ đó.

- 14.6 Trường hợp các cổ đông sáng lập không đăng ký mua hết số cổ phần được quyền chào bán thì số cổ phần còn lại phải được chào bán và bán hết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- 14.7 Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.
- Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 15. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm có: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát Công ty.

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc và một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

MỤC 1 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Đại hội đồng Cổ đông

- 16.1 Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 16.2 Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông

qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

16.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một phần ba (1/3) số thành viên quy định tại Khoản 27.1 Điều 27 của Điều lệ này;
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 12.3 Điều 112 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của cổ đông theo Điều 34 Điều lệ này hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

16.4 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 16.3 Điều 16 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 16.3 và Điểm e Khoản 16.3 Điều 16 của Điều lệ này.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 16.4 Điều 16 của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 16.4 Điều 16 của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 16.3 Điều 16 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 17.1 Đại hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- 17.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần; Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do phát hành thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;
 - Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định Ban thanh lý;
 - Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản hoặc giao dịch mua tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - Lựa chọn Công ty kiểm toán;
 - Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
- 17.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- Các hợp đồng quy định tại Điều 1 Khoản 17.2 Điều 17 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

- b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
- 17.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Đại diện được ủy quyền

- 18.1 Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo mục a Khoản 12.1 Điều 12 của Điều lệ này có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- 18.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 18.3 Trường hợp Luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 18.4 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 18.3 Điều 18 của Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền

- 19.1 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Khoản 17.2 Điều 17 của Điều lệ này liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người sở hữu ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
- 19.2 Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và sở hữu tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
- 19.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 23 của Điều lệ này.
- 19.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Thẩm quyền triệu tập, chương trình, nội dung và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

- 20.1 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 16.4 Điều 16 hoặc điểm c Khoản 16.4 Điều 16 của Điều lệ này.
- 20.2 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- Lập danh sách các cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;
 - Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bô vào hòm thư). Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.
- 20.3 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy

quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp; chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.

Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, Công ty thông báo cho cổ đông tại nơi làm việc.

Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

- 20.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 12.3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó sở hữu, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 20.5 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 20.4 Điều 20 của Điều lệ này trong các trường hợp sau:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
- 20.6 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp thuận và đưa đề xuất quy định tại khoản 20.4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 20.5 Điều này; đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 20.7 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
- 20.8 Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 21.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;
- 21.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 21.1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời

hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu bầu quyết.

- 21.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 21.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu bầu quyết của các cổ đông dự họp. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 20.3 Điều 20 của Điều lệ này.

Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- 22.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 22.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
- 22.3 Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 22.4 Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một Thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
- 22.5 Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 22.6 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa

điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:

- a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
- b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp;
- c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

- 22.7 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 22.6 Điều 22 của Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 22.8 Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
- 22.9 Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
- 22.10 Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
 Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 22.11 Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa

diểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

- 22.12 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 23.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

- 23.2 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Tỉch cực lại, giải thể công ty;
- e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

- 23.3 Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 23.2 Điều này và việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

- 23.4 Các quyết định được thông qua tại Đại hội cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng quy định.

- 23.5 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 24.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp;
- 24.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
- 24.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- 24.4 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- 24.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 24.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 24.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- 24.8 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 25.1 Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).
- 25.2 Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 25.3 Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
- 25.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 26.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp;
- 26.2 Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Điều lệ Công ty hoặc pháp luật.

MỤC 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 27.1 Hội đồng quản trị có tối đa năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp

HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

- 27.2 Các cổ đông có quyền gộp số cổ phần của từng người lại với nhau đủ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến đủ 20 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa một ứng cử viên; từ trên 20% đến đủ 30% được đề cử tối đa hai ứng cử viên; từ trên 30% đến đủ 65% được đề cử tối đa ba ứng cử viên; và nếu từ trên 65% trở lên được đề cử tối đa bốn ứng viên cử viên. Danh sách các ứng viên được đề cử phải được gửi cho Hội đồng quản trị tối thiểu bảy (07) ngày làm việc trước khi tiến hành Đại hội.

- 27.3 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị được đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng và chất lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên cho đủ số lượng cần thiết. Cơ chế đề cử hay cách thức mà Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

- 27.4 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 27.5 Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người sở hữu cổ phần của Công ty.

Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 28.1 Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- 28.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các người quản lý khác.
- 28.3 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định và pháp luật liên quan. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Đề xuất mức cổ tức được trả hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - c. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - d. Quyết định chào bán chứng khoán mới trong phạm vi số chứng khoán được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo các hình thức khác;
 - e. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu và các chứng khoán khác của Công ty; Mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật doanh nghiệp;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ, thành lập các đơn vị trực thuộc Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của các công ty khác;

- g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, buộc thôi việc, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng Giám đốc và các Người quản lý khác của Công ty là: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc; quyết định mức lương và lợi ích khác của họ; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp cho công ty khác và quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - h. Giải quyết các khiếu nại đối với Người quản lý Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
 - j. Trình báo cáo quyết toán tài chính hành năm lên ĐHĐCĐ;
 - k. Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - l. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
- 28.4 Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các đơn vị phụ thuộc Công ty;
 - b. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, phê duyệt, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);
 - c. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - d. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - e. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - f. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - g. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - h. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - i. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
- 28.5 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài

chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

- 28.6 Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
- 28.7 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 28.8 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 29.1 Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không đồng thời làm Tổng Giám đốc của Công ty, trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác.
- 29.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Điều 152 Luật Doanh nghiệp.
- 29.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không ủy quyền hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người khác trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 29.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

Điều 30. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

- 30.1 Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện

nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.

- 30.2 Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị mà người đã chỉ định là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.
- 30.3 Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người đã chỉ định không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
- 30.4 Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- 30.5 Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 31.1 **Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch** thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 31.2 **Các cuộc họp thường kỳ.** Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- 31.3 **Các cuộc họp bất thường.** Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các

- đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Đa số thành viên Ban kiểm soát (trên 50%);
 - d. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý .
- 31.4 Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 31.3 Điều 31 của Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 31.3 Điều 31 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 31.5 Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 31.6 **Địa điểm họp.** Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- 31.7 **Thông báo và chương trình họp.** Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
- 31.8 **Số thành viên tham dự tối thiểu.** Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
- 31.9 **Biểu quyết.**
- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 31.9 Điều 31 của Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc

họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 31.9 Điều 31 của Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

31.10 Công khai các lợi ích liên quan. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

31.11 Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

31.12 Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

31.13 **Nghị quyết bằng văn bản.** Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

31.14 **Biên bản họp Hội đồng quản trị.** Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và tuân thủ các nội dung tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

31.15 **Giá trị pháp lý của hành động.** Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

MỤC 3: TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 32. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

32.1 **Bổ nhiệm:** Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

32.2 **Nhiệm kỳ:** Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

32.3 **Tiêu chuẩn và điều kiện** làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 57 Luật doanh nghiệp.

Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Tổng giám đốc/Giám đốc của doanh nghiệp khác.

32.4 **Quyền hạn và nhiệm vụ:** Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm theo qui định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp.

- a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại (trừ các hợp đồng lớn HĐQT có qui định cụ thể riêng), tổ chức và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, số lượng và chức danh người quản lý để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý Công ty;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.
 - f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
 - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty và phải được trình Hội đồng quản trị thông qua.
 - i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và các quy định của pháp luật.
- 32.5 **Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.** Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 33. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- 33.1 Công ty có một người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc Công ty.
- 33.2 Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều 13 Luật doanh nghiệp.

33.3 Người đại diện theo pháp luật của Công ty có tránh nhiệm theo quy định tại Điều 14 Luật doanh nghiệp.

Điều 34. Nghĩa vụ của Người quản lý Công ty

34.1 Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán Trưởng Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

- a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty, Quyết định của ĐHĐCĐ, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tốt đà của Công ty và cổ đông của Công ty;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính của Công ty;
 - e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
- 34.2 Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và chức danh người quản lý khác cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty tùy từng thời điểm. Người quản lý khác phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 34.3 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

MỤC 4: BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ban kiểm soát

35.1 Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và của Điều lệ này, chủ yếu là những quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muôn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- 35.2 Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát và phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
- 35.3 Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.
- 35.4 Mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, lưu trú và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát có ba (03) thành viên.

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong Phòng tài chính, kế toán của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát thống nhất cử một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban.

- 36.1 Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
- 36.2 Các cổ đông có quyền gộp số cổ phần của từng người lại với nhau đủ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng để đề cử ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa một ứng cử viên; từ đủ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa hai thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa ba ứng cử viên. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử đủ.
- 36.3 Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 36.4 Thành viên Ban kiểm soát không còn tu cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Công ty

- 37.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 27.3 Điều 27 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua Luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo

giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

- 37.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 37.3 Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 37.4 Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Điều lệ này phải được công bố trên website riêng của Công ty.

Điều 38. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh

- 38.1 Việc xác định lợi nhuận Công ty được tuân thủ theo quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành tại thời điểm xác định.
- 38.2 Lợi nhuận sau thuế của Công ty, dùng để trích lập các quỹ và phân chia cổ tức cho các cổ đông, được xác định bằng tổng thu nhập Công ty sau khi trừ thuế thu nhập phải nộp theo luật định và các nghĩa vụ tài chính khác (khấu trừ các khoản tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, phạt nợ quá hạn, vi phạm chế độ đăng ký kinh doanh, vi phạm chế độ kế toán thống kê, vi phạm chế độ hợp đồng kinh tế và các khoản chi phí hợp lệ khác), khấu trừ các khoản lỗ chưa tính vào lợi nhuận trước thuế thu nhập, khấu trừ các khoản lỗ năm trước chuyển sang.

Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ sau:

- a Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: trích 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- b Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển sản xuất do Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ và kết quả sản xuất kinh doanh hành năm.
- c Phân lợi nhuận còn lại sau khi trích xong các quỹ nêu trên được phân chia cổ tức cho từng cổ đông theo từng loại cổ phần căn cứ vào đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 39. Cổ tức

- 39.1 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng

CHƯƠNG V: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY

Điều 44. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty

- 44.1 Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
- Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 44.2 Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
- 44.3 Trình tự, thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp.

Điều 45. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông sở hữu một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động;
- Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 46. Trình tự và thủ tục thanh lý tài sản Công ty

- 46.1 Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm năm thành viên, trong đó có ít nhất hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 46.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động.
- 46.3 Toàn bộ số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản của Công ty sẽ được xử lý theo trình tự sau:
- Thanh toán các khoản chi phí thanh lý Công ty;

- b. Thanh toán các khoản nợ lương, nợ BHXH, các khoản trợ cấp thôi việc và các quyền lợi khác theo chế độ hiện hành cho người lao động theo Hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể;
- c. Thanh toán các khoản nợ thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số tiền còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến Điểm e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

- 47.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 47.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 48. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

- 48.1 Mọi tranh chấp hay khiếu nại phát sinh giữa các thành viên, cổ đông của Công ty với nhau hoặc với tổ chức, các cá nhân khác có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay pháp luật quy định, các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải.
- 48.2 Trường hợp thương lượng và hòa giải không giải quyết được trong vòng ba mươi (30) ngày từ khi bắt đầu quá trình thương lượng, hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết.
- 48.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Trọng tài hoặc Tòa án sẽ do Trọng tài hoặc Tòa án phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 49. Hiệu lực của Điều lệ

- 49.1 Bản điều lệ này gồm 06 Chương, 49 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cùng thảo luận thông qua, cam kết thực hiện và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này kể từ Ngày thành lập Công ty.

- 49.2 Điều lệ được lập thành chín (09) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
- Một bản nộp tại Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
 - Hai bản lưu tại Trụ sở chính Công ty Cổ phần Phát triển Nhà PETROLIMEX - TRADOCO.
 - Mỗi cổ đông sáng lập giữ một bản.
- 49.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 49.4 Các bản sao y hoặc trích sao Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY



Quản Ngọc San

Vũng Tàu, ngày 29 tháng 7 năm 2015.
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



Trần Đình Hảo